PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Giám thị 1:
Họ và tên:.........................
Chữ ký:............................
Giám thị 2:
Họ và tên:.........................
Chữ ký:............................

1. Tỉnh/TP:..
2. Hội đồng coi thi :...
3. Phòng thi:..
4. Họ và tên thí sinh:...
....
5. Ngày sinh:............/........../.............................
6. Chữ ký của thí sinh:.......................................
7. Bài thi:..
8. Ngày thi:............/........../..................................

9. Số báo danh

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

10. Mã đề thi

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phần trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01	A	B	C	D	15	A	B	C	D	29	A	B	C	D
02	A	B	C	D	16	A	B	C	D	30	A	B	C	D
03	A	B	C	D	17	A	B	C	D	31	A	B	C	D
04	A	B	C	D	18	A	B	C	D	32	A	B	C	D
05	A	B	C	D	19	A	B	C	D	33	A	B	C	D
06	A	B	C	D	20	A	B	C	D	34	A	B	C	D
07	A	B	C	D	21	A	B	C	D	35	A	B	C	D
08	A	B	C	D	22	A	B	C	D	36	A	B	C	D
09	A	B	C	D	23	A	B	C	D	37	A	B	C	D
10	A	B	C	D	24	A	B	C	D	38	A	B	C	D
11	A	B	C	D	25	A	B	C	D	39	A	B	C	D
12	A	B	C	D	26	A	B	C	D	40	A	B	C	D
13	A	B	C	D	27	A	B	C	D					
14	A	B	C	D	28	A	B	C	D					